|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH QUẢNG NAM  **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  #SoKyHieuVanBan | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *#DiaDiemNgayBanHanh* |

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ cho hoạt động của**

**Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**A. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**

**1. Chủ trương, chính sách của Trung ương về Tổ công nghệ số cộng đồng**

a) Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 749/QĐ-TTg ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; theo đó đã xác định quan điểm, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

b) Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ xác định rõ giải pháp tổ chức Tổ công nghệ số cộng đồng (sau đây viết tắt là Tổ CNSCĐ) đến từng thôn, khối phố, bản với các tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm và các thành viên tại chỗ năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp trên toàn quốc.

c) Ngày 05/3/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT) đã ban hành Công văn số 793/BTTTT-THH hướng dẫn triển khai thí điểm mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, bản, tổ dân phố. Mỗi Tổ CNSCĐ gồm Trưởng thôn/bản, Tổ trưởng tổ dân phố và các nhân sự (khuyến nghị có sự tham gia của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) có lòng nhiệt tình hoạt động cộng đồng, có tư duy muốn chấp nhận và thử nghiệm cái mới, có kỹ năng sử dụng nền tảng số, công nghệ số, có khả năng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số.

d) Tại Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; trong đó có nhiệm vụ thiết lập và đẩy mạnh hoạt động Mạng lưới chuyển đổi số từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm các thành viên Tổ CNSCĐ.

Ngày 08/8/2024, Bộ TT & TT ban hành Công văn số 3240/BTTTT-CĐSQG về việc thúc đẩy hoạt động của Tổ CNSCĐ tại địa phương.

**2. Chủ trương của tỉnh Quảng Nam về thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng**

a) Nâng cao vai trò, hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng tại thôn, tổ dân phố trong thực hiện chuyển đổi số tại cơ sở trên địa bàn tỉnh. Thể hiện sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc khuyến khích, động viên, coi trọng vai trò, nhiệm vụ của các Tổ CNSCĐ tại thôn, tổ dân phố vào công cuộc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Nhằm huy động nhân dân đồng thuận, thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu chuyển đổi số đặt ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Tạo điều kiện khích lệ cho Tổ CNSCĐ tại các thôn, tổ dân phố thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng nền tảng số, dịch vụ công, kỹ năng số, công nghệ số nhằm tạo ra “công dân số” tại địa bàn khu dân cư góp phần cùng toàn bộ hệ thống chính trị đẩy nhanh xây dựng Chính quyền điện tử ở các cấp, các ngành trên địa bàn, hướng tới Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

c) UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2004/KH-UBND ngày 12/4/2021 về thí điểm chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Sở Thông tin và Truyền thông có Công văn số 51/STTTT-CNTT&BCVT ngày 24/01/2022 về việc hướng dẫn thí điểm triển khai Tổ công nghệ cộng đồng cấp thôn, khối phố.

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ TT&TT tại Công văn số 793/BTTTT-THH ngày 06/3/2022, UBND tỉnh ban hành Công văn số 4821/UBND-KGVX ngày 22/7/2022 về việc đẩy mạnh xây dựng xã thông minh và triển khai Tổ công nghệ cộng đồng cấp thôn, khối phố trên địa bàn tỉnh. Đến nay đã có 18/18 huyện, thị xã, thành phố triển khai thành lập Tổ CNSCĐ cấp thôn, khối phố, trên địa bàn tỉnh có 241/241 xã đã thành lập Tổ CNSCĐ.

d) Kế hoạch số 3220/KH-UBND tỉnh ngày 07/5/2024 triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh năm 2024

**3. Kết quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng**

a) Những mặt đạt được:

- Tính đến tháng 8/2024, toàn tỉnh có 1.227 Tổ CNSCĐ/1240 thôn với 7.385 thành viên. Mỗi Tổ CNSCĐ có tối thiểu 05-06 người; trong đó, thành viên tổ gồm có (cán bộ xã đứng điểm, Bí thư chi bộ, chi Đoàn thanh niên, chi Hội phụ nữ, Chi Hội nông dân,…);

- Tổ CNSCĐ là lực lượng mang tính huy động sức mạnh toàn dân, ở gần dân, sát dân và là cánh tay nối dài của Ban Chỉ đạo CĐS từ tỉnh đến cơ sở. Có thể nói Tổ CNSCĐ là cách tay nối dài của chính quyền địa phương trong việc thực hiện CĐS. Tổ CNSCĐ đã phát huy hiệu quả là người truyền tải thông tin, tuyên truyền các nội dung CĐS đến người dân một cách nhanh chóng và hiệu quả. Trong Văn bản số 2251/BTTTT-CĐSQG của Bộ Thông tin và Truyền thông có đánh giá “Trong tiến trình ứng dụng công nghệ thông tin trước đây và chuyển đổi số hiện nay, đây là lần đầu tiên chủ trương từ Trung ương được lan tỏa nhanh chóng trong một thời gian rất ngắn. Thông qua Tổ CNSCĐ, các chủ trương, chính sách và chỉ đạo về công tác CĐS quốc gia từ Trung ương tới địa phương mà trực tiếp là người dân được triển khai nhanh chóng, hiệu quả và kịp thời. Đây là một kết quả đặc biệt đột phá. Tổ CNSCĐ mang tính toàn dân, là đặc trưng Việt Nam, là điểm khác biệt của Việt Nam, là tiền đề cho những kết quả đột phá về CĐS trong tương lai” và đồng thời Bộ Thông tin và Truyền thông có Kế hoạch xây dựng Khung tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổ CNSCĐ, nhằm đo lường được vai trò tham gia đóng góp của Tổ CNSCĐ trong thúc đẩy CĐS tại các địa phương.

Trong thời gian qua Tổ CNSCĐ đã phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt ở cơ sở đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dântrên địa bàn tỉnh như:

+ Tổ chức các đợt hướng dẫn người dân sử dụng DVCTT; Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp về thực hiện đồng bộ tài khoản trên Cổng DVC Quốc gia với tài khoản định danh điện tử; tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng DVCTT, thanh toán trực tuyến; Khảo sát sự hài lòng của người dân đối với việc sử dụng DVC TT.

+ Phối hợp với các ngân hàng, doanh nghiệp viễn thông cấp chữ ký số, tài khoản thanh toán điện tử cho công dân;

+ Phối hợp với tổ đề án 06 các cấp triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06; Thực hiện công tác tuyên truyền trong việc triển khai người dân thực hiện cài đặt VNeID và làm căn cước công dân.

+ Hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng app Smart Quảng Nam. Tính đến tháng 5/2024 có 54.156 lượt cài đặt

+ Hướng dẫn cài đặt và sử dụng ví điện tử: VNPT Money, Viettel Money; Trang web và app thương mại điện tử hàng hóa: voso, Postmart, sàn Thương mại điện tử. Hiện nay có hơn 500 Sản phẩm OCOP và vùng miền được đưa lên các sàn thương mại điện tử

+ Thiết lập kênh giao tiếp giữa xã và người dân: Đa dạng hóa các kênh thông tin giao tiếp giữa chính quyền và nhân dân trên địa bàn xã qua Zalo, facebook…… Hiện nay mỗi tổ có 1 kênh giao tiếp với người dân ở thôn, khối phố qua mạng xã hội.

+ Phối hợp với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, ngân hàng, các đơn vị liên quan tổ chức tập huấn cho người dân về CĐS, các ứng dụng thanh toán điện tử, các ứng dụng CĐS trong giáo dục, y tế…….

- Hàng năm, Sở TT&TT đã đồng hành UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai hướng dẫn, tập huấn cho các thành viên Tổ CNSCĐ; Đã tổ chức tập huấn cho 100% thành viên Tổ CNSCĐ để triển khai nhiệm vụ (tập huấn riêng cho thành viên Tổ CNSCĐ và lồng ghép tập huấn chuyển đổi số).

- Với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, trên cơ sở chỉ đạo hướng dẫn về nâng cao hiệu quả hoạt động Tổ CNSCĐ và công tác CĐS trên địa bàn tỉnh, cùng với sự chỉ đạo trực tiếp từ chính quyền địa phương các cấp; Tổ CNSCĐ đã làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn đến người dân, cộng đồng dân cư về công tác CĐS; hướng dẫn các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử; sử dụng DVCTT; hướng dẫn cài đặt và sử dụng nền tảng dùng chung của tỉnh, Cổng dịch vụ công trực tuyến, các tiện ích số; thanh toán trực tuyến và thương mại điện tử, an toàn thông tin và bảo vệ an toàn thông tin cá nhân trên môi trường internet,.… Hoạt động của Tổ CNSCĐ đã từng bước đưa công tác ứng dụng CĐS đi vào thói quen, nếp sống, hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế xã hội của người dân và cộng đồng dân cư.

- Tổ CNSCĐ là cánh tay đắc lực, hiệu quả của chính quyền tỉnh trong việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của nhà nước và tỉnh đến người dân và cộng đồng dân cư; là lực lượng tiên phong trong việc triển khai và nhân rộng các mô hình điển hình trong CĐS như: mô hình “03 không và 09 có” tại huyện Đại Lộc; mô hình “Điểm hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến và chuyển đổi số” tại các huyện Thăng Bình, Tam Kỳ, Núi Thành, Hội An…; mô hình “chợ không dùng tiền mặt”..; Bên cạnh đó, Tổ CNSCĐ còn là lực lượng đóng vai trò quan trọng góp phần hoàn thành các chỉ tiêu chuyển đổi số của tỉnh, tiêu biểu như: Tỷ lệ DVCTT toàn trình: 1237/1237, tỷ lệ 100%; Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: 84,41%; Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 459/459, tỷ lệ 100%; Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 304/304, tỷ lệ 100%; Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 43,04%; số tài khoản giao dịch của người từ 15 tuổi trở đạt khoảng 1.705 người;...

b) Khó khăn, vướng mắc:

- Bên cạnh những đóng góp thiết thực, hiệu quả cho công tác chuyển đổi số, đến nay hoạt động của các thành viên Tổ CNSCĐ trên địa bàn tỉnh với tinh thần tham gia, đóng góp tự nguyện của các cá nhân, công dân am hiểu về công nghệ thông tin, chưa có sự hỗ trợ bất kỳ kinh phí từ ngân sách nhà nước để Tổ CNSCĐ hoạt động.

- Ngày 15/6/2023, Bộ TT&TT đã ban hành Công văn số 2251/BTTTT-CĐSQG về Tổng kết thí điểm triển khai Tổ CNSCĐ và định hướng triển khai năm 2023; trong đó đã ghi nhận vướng mắc **đa số các địa phương chưa có cơ chế động viên, khuyến khích, hỗ trợ hoạt động của Tổ CNSCĐ**. Theo đó, đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động quyết định việc tổ chức triển khai hoạt động của Tổ CNSCĐ tại địa phương, vận dụng sáng tạo các bài học kinh nghiệm, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế chuyển đổi số và các điều kiện đặc thù của địa phương; **đề nghị học tập kinh nghiệm của tỉnh Yên Bái ban hành chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ CNSCĐ** (Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022).

**4. Chủ trương xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ CNSCĐ**

a) Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Công văn số 793/BTTTT-THH ngày 05/3/2022 hướng dẫn thí điểm triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương. Đồng thời, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Văn bản số 2251/BTTTT-CĐSQG ngày 15/6/2023 về việc tổng kết thí điểm triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng và định hướng triển khai năm 2023. UBND tỉnh ban hành Công văn số 4821/UBND-KGVX ngày 22/7/2022 về việc đẩy mạnh xây dựng xã thông minh và triển khai Tổ công nghệ cộng đồng cấp thôn, khối phố trên địa bàn tỉnh

b) Chuyển đổi số được đưa vào trong định hướng và nhiệm vụ trọng tâm tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 04- NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở đó, các tỉnh, thành phố trên toàn quốc đã ban hành Kế hoạch triển khai thành lập và hoạt động Tổ CNSCĐ làm nhiệm vụ chuyển đổi số ở cơ sở, là cánh tay nối dài của Ban chỉ đạo chuyển đổi số các cấp. Tại Quảng Nam, UBND tỉnh ban hành Công văn số 4821/UBND-KGVX ngày 22/7/2022 về việc đẩy mạnh xây dựng xã thông minh và triển khai Tổ CNSCĐ cấp thôn, khối phố trên địa bàn tỉnh.

c) Thông báo số 65/TB-UBND ngày 06/3/2024 của UBND tỉnh kết luận của đồng chí Lê Trí Thanh - Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị sơ kết công tác chuyển đổi số và 02 năm thực hiện Đề án 06, triển khai nhiệm vụ năm 2024, trong đó có giao cho Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu, trình cấp có thẩm quyền chính sách hỗ trợ cho hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng tại cơ sở. Công văn số 2065/UBND- TH ngày 25/3/2024 của UBND tỉnh về việc cho ý kiến đối với nội dung đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2024; Công văn số 634/STP-VBTT ngày 20/3/2024 của Sở Tư pháp gửi UBND tỉnh về việc có ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh; Công văn số 2677/STC-NS ngày 14/8/2024 của Sở Tài chính về việc ý kiến góp ý về phương án xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ cho hoạt động Tổ CNSCĐ.

d) Chính sách các tỉnh hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng

Trên địa bàn cả nước, hiện nay có 04 tỉnh đã ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho Tổ CNSCĐ, cụ thể:

- Tỉnh Yên Bái:

Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Yên Bái Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2022-2025, trong đó hỗ trợ cho Tổ chuyển đổi số cộng đồng của các thôn, bản, tổ dân phố thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái có đăng ký xã, phường, thị trấn chuyển đổi số, chuyển đổi số nâng cao theo kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của cấp có thẩm quyền ban hành:

+ Mức hỗ trợ: 500 nghìn đồng/01 Tổ/tháng;

+ Thời gian hỗ trợ tối đa là 24 tháng;

+ Nội dung chi: Kinh phí hỗ trợ được sử dụng để đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật; thuê, mua các gói dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, các ứng dụng phần mềm phục vụ chuyển đổi số dùng chung cho cả tổ hoặc từng thành viên tổ chuyển đổi số cộng đồng; hỗ trợ kinh phí xăng xe cho các thành viên tổ chuyển đổi số cộng đồng; hỗ trợ các thành viên tổ chuyển đổi số cộng đồng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyển đổi số; Tổ chuyển đổi số cộng đồng thống nhất quyết định việc sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo các nội dung được quy định.

- Tỉnh Bình Dương:

Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Dương quy định về chính sách hỗ trợ cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Dương với nội dung hỗ trợ như sau:

+ Hỗ trợ khoán chi phí hoạt động (chi xăng, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm) cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng; 60.000 đồng/người/tháng;

+ Hỗ trợ ngày công làm việc: thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng và các cá nhân (bao gồm cán bộ, công chức, viên chức, người tình nguyện không hưởng lương từ ngân sách) được Chủ tịch UBND các cấp huy động tham gia hỗ trợ làm nhiệm vụ của Tổ công nghệ số cộng đồng được hỗ trợ 150.000 đồng/ người/ngày. Trong trường hợp có chỉ đạo đột xuất của Chủ tịch UBND tỉnh, cần phải làm ban đêm thì hỗ trợ người được huy động với mức không quá 200.000 đồng/người/đêm.

- Tỉnh Hà Tĩnh:

Nghị quyết số 119/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh Quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2024-2025 với các nội dung hỗ trợ như sau:

+ Mức hỗ trợ: 600.000 đồng/Tổ/tháng.

+ Nội dung chi: Kinh phí hỗ trợ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Tổ chuyển đổi số cộng đồng được sử dụng để phục vụ các hoạt động triển khai nhiệm vụ chung của Tổ; tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyển đổi số; thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số định kỳ, đột xuất do cơ quan có thẩm quyền giao.

- Thành phố Đà Nẵng:

Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thành phố Đà Nẵng Quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ hoạt động cho Tổ CNSCĐ và Đề án 06 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng với mức hỗ trợ tối đa là 3.000.000 đồng/tổ/năm; cụ thể nội dung chi và mức chi:

1. Hỗ trợ nước uống, xăng xe cho thành viên Tổ CNSCĐ và Đề án 06 (thanh toán khoán theo số lượng thực tế thành viên của Tổ tham gia hoạt động theo chương trình, kế hoạch do cấp có thẩm quyền ban hành): Mức chi 50.000 đồng/ngày/người.

2. Hỗ trợ mua các gói dịch vụ viễn thông, liên lạc, văn phòng phẩm, in ấn phục vụ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 về tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số của thành phố: Thanh toán thực tế theo chứng từ, hóa đơn theo quy định.

- Số lượng Tổ CNSCĐ và thành viên các tổ tại 04 tỉnh, thành: Yên Bái, Bình Dương, Hà Tĩnh, Đà Nẵng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tỉnh/thành** | **Số lượng Tổ CNSCĐ** | **Thành viên** | **Trung bình** *(thành viên/tổ)* |
| 1 | Yên Bái | 1.260 | 8.526 | 6.7 |
| 2 | Bình Dương | 586 | 3.329 | 5.6 |
| 3 | Hà Tĩnh | 1.937 | 5.481 | 2.8 |
| 4 | Đà Nẵng | 2.531 | 15.862 | 6.3 |

- Hiện nay, Cà Mau cũng đang xây dựng dự thảo Nghị quyết.

1. Mức chi hỗ trợ: hỗ trợ 600.000 đồng/Tổ/tháng; thời gian hỗ trợ tối đa 24 tháng.

2. Kinh phí hỗ trợ được sử dụng để đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật; thuê, mua các gói dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, các ứng dụng phần mềm phục vụ chuyển đổi số dùng chung cho cả Tổ hoặc từng thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng; hỗ trợ kinh phí xăng xe cho các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng; hỗ trợ các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyển đổi số.

đ) Tình hình thực tế tại địa phương

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 2 địa phương có hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của Tổ CNSCĐ cụ thể:

- Nông Sơn: Hỗ trợ kinh phí để tập huấn cập nhật kiến thức – kỹ năng CĐS cho các Tổ CNSCĐ. Tổng số tiền triển khai nhiệm vụ: 23 triệu đồng

- Phú Ninh: Hỗ trợ triển khai nhiệm vụ của Tổ CNSCĐ: 6 triệu/tổ/năm

- Các địa phương còn lại (như Tiên Phước, Hội An,..): Hiện nay chưa có chính sách hỗ trợ trực tiếp cho Tổ CNSCĐ. Tuy nhiên, các Tổ CNSCĐ được hỗ trợ kinh phí và sử dụng nguồn kinh phí thông tin truyền thông, chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã khi tham gia các nhiệm vụ cụ thể như tập huấn về Chuyển đổi số; tuyên truyền, vận động cài đặt VNeID, dịch vụ công trực tuyến…theo Kế hoạch của các xã, thị trấn.

Do đó, để tiếp tục duy trì, phát huy và nâng cao hiệu quả hoạt động, đóng góp của Tổ CNSCĐ sự nghiệp chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam; việc xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hoạt động của Tổ CNSCĐ là cần thiết, phù hợp với chủ trương của tỉnh, đảm bảo về thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**

**1. Mục tiêu tổng thể**

a) Nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân tham gia vào quá trình chuyển đổi số tại địa phương, để phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển kinh tế số của địa phương.

b) Tạo động lực để các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chuyển đổi số một cách toàn diện, có chiều sâu, lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ; lấy sự hài lòng của doanh nghiệp, người dân làm thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động. Góp phần quan trọng trong việc tham mưu, tổ chức thực hiện để đẩy nhanh hoàn thiện chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số.

**2. Mục tiêu cụ thể**

Có chính sách hỗ trợ đối với các thành viên Tổ CNSCĐ của các địa phương; động viên, khuyến khích Tổ CNSCĐ triển khai các nhiệm vụ theo định hướng, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, góp phần hoàn thành thắng lợi Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

**B. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**I.** **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CHO TỔ CNSCĐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM**

**1. Xác định vấn đề bất cập**

Để triển khai Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Công văn số 793/BTTTT-THH ngày 09/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Công văn số 4821/UBND-KGVX ngày 22/7/2022 về việc đẩy mạnh xây dựng xã thông minh và triển khai Tổ công nghệ cộng đồng cấp thôn, khối phố trên địa bàn tỉnh.

Tính đến tháng 8/2024, toàn tỉnh có 1.227 Tổ CNSCĐ với 7.385 thành viên. Mỗi Tổ CNSCĐ có từ 05-06 người; trong đó, thành viên tổ gồm có (cán bộ xã đứng điểm, Bí thư chi bộ, chi Đoàn thanh niên, chi Hội phụ nữ, Chi Hội nông dân,…)

Tổ CNSCĐ được UBND cấp xã, phường, thị trấn quyết định thành lập. Trong quá trình hoạt động, hiệu quả cho thấy là rõ ràng, đúng với tinh thần Tổ được xem là cánh tay nối dài của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số từ tỉnh đến địa phương trong công tác hướng dẫn người dân tại tổ tiếp cận các tiện ích từ công nghệ số, từ chuyển đổi số trong thực hiện thủ tục hành chính và đặc biệt là trong việc tuyên truyền, phổ biến thông tin chỉ đạo đến với người dân thông qua các nhóm Zalo rất nhanh và kịp thời.

Tuy nhiên, chuyển đổi số là hoạt động chưa có tiền lệ và mô hình Tổ CNSCĐ cũng là mô hình mới ở tỉnh Quảng Nam. Do đó, trong hoạt động các thành viên Tổ CNSCĐ vẫn còn nhiều lúng túng trong quá trình triển khai; Hầu hết các thành viên Tổ CNSCĐ hoạt động kiêm nhiệm, công tác vận động, hướng dẫn trực tiếp người dân phải thực hiện ngoài giờ hành chính và hiện tại chế độ thù lao, bồi dưỡng chưa có. Đối với Trưởng thôn/Tổ trưởng dân phố có kinh phí phụ cấp trưởng thôn/tổ dân phố hàng tháng nhưng đối với các thành viên tổ còn lại là người có kỹ năng công nghệ thông tin, về địa phương tham gia Tổ CNSCĐ để hỗ trợ cho Tổ và phải làm thêm ngoài giờ cũng như các ngày nghỉ chưa có chế độ bồi dưỡng; ngoài ra, còn có các vấn đề khác như hỗ trợ các chi phí cước điện thoại, cước mạng Internet băng rộng, cước 3G, 4G, văn phòng phẩm… cũng cần được quan tâm phù hợp để động viên Tổ hoạt động tốt hơn.

**2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Ban hành chính sách để hỗ trợ cho các thành viên trong Tổ CNSCĐ phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

**3. Phương án đề xuất để giải quyết vấn đề**

a) Về xác định nội dung hỗ trợ:

Trên cơ sở nhu cầu đề xuất các nội dung hỗ trợ và tính chất đặc thù của hoạt động Tổ CNSCĐ (kiêm nhiệm, không thường xuyên, tự nguyện,…), việc xác định chi phí cần thiết để hỗ trợ **thêm** cho các thành viên Tổ CNSCĐ thực hiện nhiệm vụ, gồm có:

- Xăng xe cho phương tiện đi lại của thành viên Tổ CNSCĐ khi di chuyển đến nơi thực hiện nhiệm vụ của Tổ (khu phố, khu dân cư, thôn, khối phố, nơi tổ chức tập huấn, tuyên truyền,…);

- Cước phí wifi (3G, 4G), theo đó cước phí để các thành viên của Tổ thực hiện việc thử nghiệm các ứng dụng số, dịch vụ công, trên môi trường mạng để hướng dẫn cho người dân, hộ gia đình.

- Nước uống trong ngày tham gia hoạt động của Tổ CNSCĐ;

- Văn phòng phẩm, in ấn tài liệu: Chi phí này dùng để mua giấy A4, bút, sổ,… và chi phí in ấn tài liệu ở dịch vụ bên ngoài (không hỗ trợ máy tính, máy in) để thực hiện nhiệm vụ của Tổ CNSCĐ;

- Đối với chi phí hỗ trợ cho các thành viên Tổ CNSCĐ tham gia các khóa/lớp tập huấn, bồi dưỡng của các cấp có thẩm quyền nhằm nâng cao năng lực chuyển đổi số cho các thành viên không được quy định trong chính sách này; đề nghị thực hiện theo các chính sách hiện hành. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài các nhiệm vụ của Tổ CNSCĐ đã được hỗ trợ hàng tháng.

b) Về xác định mức chi hỗ trợ

**- Phương án 01:** Thực hiện hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Tổ CNSCĐ mức kinh phí khoán hỗ trợ là 500.000 đồng/tổ/tháng. *(Cách tính theo Phụ lục III đính kèm)*.

**- Phương án 02:** Thực hiện

+ Chi phí khoán: Hỗ trợ khoán chi phí hoạt động (chi xăng, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm) cho thành viên Tổ CNSCĐ 50.000 đồng/người/tháng.

+ Hỗ trợ ngày công làm việc: thành viên Tổ CNSCĐ và các cá nhân (bao gồm cán bộ, công chức, viên chức, người tình nguyện không hưởng lương từ ngân sách) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp huy động tham gia hỗ trợ làm nhiệm vụ của Tổ công nghệ số cộng đồng được hỗ trợ 150.000 đồng/người/ngày.

c) Đánh giá lựa chọn phương án hỗ trợ:

Đối với phương án 02: Khi thực hiện hỗ trợ cho từng thành viên phải thực hiện lấy ý kiến của các Bộ, ngành, Trung ương. Do đó, đề xuất thực hiện theo phương án 01: hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Tổ CNSCĐ mức kinh phí khoán hỗ trợ là 500.000 đồng/tổ/tháng. Thời gian thí điểm thực hiện chính sách ngắn (02 năm), đây là thời gian cuối nhiệm kỳ cần đẩy mạnh việc phổ cập chuyển đổi số đến người dân nhằm phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Đồng thời, trong giai đoạn này việc thực hiện nhiệm vụ của các Tổ có khối lượng tương đồng nhau, vì vậy, để tránh các khiếu kiện đề xuất giữ mức chung hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Tổ CNSCĐ mức kinh phí khoán hỗ trợ là 500.000 đồng/tổ/tháng. Việc điều chỉnh có thể thực hiện đối với giai đoạn tiếp theo, sau khi đánh giá hiệu quả của chính sách. Mức hỗ trợ trên, có khả năng phù hợp với cân đối ngân sách của địa phương, kinh phí hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ CNSCĐ trên địa bàn tỉnh. Với mức kinh phí hỗ trợ Tổ CNSCĐ là 500.000 đồng/tổ/tháng; theo đó Ngân sách tỉnh phải tốn kém một khoản kinh phí hỗ trợ cho Tổ CNSCĐ trên địa bàn toàn tỉnh là **7.440.000.000 đồng/năm**. *(phương án này đã được Sở Tài chính thống nhất tại Công văn số 2677/STC-NS ngày 14/8/2024 về việc ý kiến góp ý về phương án xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ cho hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng và mức hỗ trợ này trên cơ sở tham khảo Nghị quyết của các tỉnh đã thực hiện: Yên Bái (500.000 đồng/tháng/tổ), Hà Tĩnh (600.000 đồng/tháng/tổ)).*

**4. Đánh giá tác động của các phương án đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

- Hỗ trợ phụ cấp ngoài lương sẽ tạo động lực, động viên, khích lệ những người đang hoạt động trong Tổ chuyển đổi số cộng đồng về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số tại các thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn; đi đôi với phụ cấp, ưu đãi cần gắn trách nhiệm của Tổ chuyển đổi số cộng đồng trong việc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số. Phát huy tinh thần “đi từng ngõ gõ từng nhà”, vận động từng hộ gia đình, người dân ứng dụng các Nền tảng số, dịch vụ số, phục vụ phát triển đời sống kinh tế - xã hội.

- Hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội: Góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương, hình thành các công dân số phục vụ xây dựng chính quyền số, xã hội số, kinh tế số, từng bước nâng cao đời sống của người dân. Đảm bảo xây dựng nông thôn thông minh, đô thị thông minh.

**5. Kiến nghị phương án lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)**

Từ thực trạng nêu trên, để nâng cao vai trò, trách nhiệm, hiệu quả hoạt động của Tổ CNSCĐ trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số ở địa bàn phụ trách, kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh đồng ý giải pháp 01: mức hỗ trợ Tổ CNSCĐ theo mức khoán hỗ trợ là 500.000 đồng/tổ/tháng. Thời gian thực hiện hỗ trợ là 02 năm. Sau đó, sẽ xem xét điều chỉnh cho giai đoạn tiếp theo (sau khi đánh giá tính hiệu quả).

**II. Ý KIẾN THAM VẤN**

1. Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ cho các Tổ CNSCĐ được gửi đến các Sở, Ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các Tổ CNSCĐ để lấy ý kiến và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến góp ý của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

2. Sau khi có ý kiến góp ý, được chỉnh sửa, hoàn chỉnh các ý kiến góp ý và lấy ý kiến thẩm định đối với cơ quan có liên quan.

**III. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

Các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách này chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách và giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách này.

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí chi thường xuyên thuộc ngân sách tỉnh.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

Căn cứ số lượng Tổ CNSCĐ trên địa bàn tỉnh và mức hỗ trợ cho hoạt động của Tổ, khái toán tổng mức hỗ trợ toàn tỉnh tối đa là **7.440.000.000 đồng/năm;** kinh phí thực hiện hỗ trợ trong 02 năm là: **14.880.000.000** *(Bằng chữ: Mười bốn tỷ, tám trăm tám mươi triệu đồng)*

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT**

Dự kiến thời gian trình thông qua văn bản vào kỳ họp cuối năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - UBND tỉnh (để b/c);  - Văn phòng HĐND;  - Các sở, ban, ngành,  - Các hội, đoàn thể cấp tỉnh;  - UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - Ban Giám đốc;  - Các phòng, TT CNTT&TT Quảng Nam; - Lưu: VT, P. CNTT&BCVT (Sương). | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **#ChuKyLanhDao** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phụ lục I** | | | | | | | |
| **TỔNG HỢP SỐ LIỆU TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CỘNG ĐỒNG** | | | | | | |
| **TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2024** | | | | | | |
| *(Đính kèm Báo cáo số /BC-STTTT ngày tháng năm 2024*  *của Sở Thông tin và Truyền thông)*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Đơn vị** | **Tổng số Tổ CNSCĐ/thôn** | **Tổng số thành viên Tổ CNSCĐ** | | 1 | Thành phố Tam Kỳ | 85/85 | 480 | | 2 | Thành phố Hội An | 54/54 | 276 | | 3 | Thăng Bình | 106/106 | 687 | | 4 | Điện Bàn | 140/140 | 1003 | | 5 | Duy Xuyên | 78/78 | 402 | | 6 | Đại Lộc | 113/113 | 904 | | 7 | Quế Sơn | 74/74 | 458 | | 8 | Phú Ninh | 51/51 | 268 | | 9 | Núi Thành | 103/103 | 574 | | 10 | Tiên Phước | 85/85 | 446 | | 11 | Phước Sơn | 41/42 | 260 | | 12 | Bắc Trà My | 46/46 | 252 | | 13 | Nam Trà My | 32/35 | 208 | | 14 | Tây Giang | 54/63 | 317 | | 15 | Đông Giang | 40/40 | 235 | | 16 | Nam Giang | 50/50 | 200 | | 17 | Hiệp Đức | 46/46 | 250 | | 18 | Nông Sơn | 29/29 | 163 | |  | **Tổng** | **1227** | **7385** | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Phụ lục II** | | | | | | | | | | | | |
|  | **BẢNG TỔNG HỢP KHẢO SÁT NHU CẦU ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG** | | | | | | | | | | | | |
|  | **TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CỘNG ĐỒNG** | | | | | | | | | | | | |
|  | *(Đính kèm Báo cáo số /BC-STTTT ngày / /2024*  *của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Nam)* | | | | | | | | | | | | |
|  | Tổng số đơn vị khảo sát: 18 huyện, thị xã, thành phố | | | | | | |  | |  | |  | |
|  | Tổng số đơn vị cung cấp thông tin: 18 | | | | | | |  | |  | |  | |
| **Stt** | | **Đơn vị** | **Các chính sách hiện đang được hỗ trợ** | **Hỗ trợ 500.000 đồng/tháng/tổ** | **Hỗ trợ tối đa không quá 500.000 đồng/tháng/tổ** | **Hỗ trợ cước điện thoại, sim data** | **Hỗ trợ khác** | | **Kinh phí hỗ trợ để triển khai các nhiệm vụ** | | **Ý kiến khác** | |
| 1 | | Bắc Trà My | Chưa có | X |  | X |  | | - Hỗ trợ, hướng dẫn người dân tiếp cận CNTT, sử dụng DVCTT, các ứng dụng nền tảng số, ứng dụng thông minh phục vụ CCHC và CĐS của địa phương  - Triển khai các mô hình, giải pháp hay của Tổ CNSCĐ về phục vụ người dân trong sử dụng DVCTT và các ứng dụng thông minh tại địa phương.  - Triển khai các nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền về các nội dung liên quan đến CCHC và CĐS tại địa phương.  - Tham gia các nhiệm vụ do tỉnh, huyện, xã tổ chức về các nội dung liên quan đến CCHC và CĐS | |  | |
| 2 | | Đại Lộc | Chưa có | X |  | X |  | | - Thực hiện công tác tuyên truyền.  - Hướng dẫn nhân dân cài đặt và sử dụng các nền tảng CĐS, DVCTT,….  - Hỗ trợ nhân dân nộp hồ sơ trực tuyến tại Cụm văn hóa thôn | |  | |
| 3 | | Điện Bàn | Chưa có | X |  |  |  | | - Tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ cài đặt các dịch vụ, tiện ích công cho Nhân dân trên địa bàn thôn, khối phố.  - Duy trì việc quản lý, vận hành các hội, nhóm zalo phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền về CĐS, điều hành hoạt động của thôn, khối phố đến từng hộ dân.  - Tổ chức các hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan phù hợp, nâng cao nhận thức về CĐS cho Nhân dân trên địa bàn | | Kiến nghị bổ sung kinh phí cho UBND các xã, phường để tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền kiến thức chuyển đổi số cho các Tổ CNCĐ và Nhân dân trên địa bàn | |
| 4 | | Duy Xuyên | Chưa có |  |  | X |  | |  | |  | |
| 5 | | Hiệp Đức | Chưa có | X |  | X (50.000đ/01 người/01 tháng) |  | | 100.000đ/01tháng/tổ chi nước uống để tổ chức cuộc họp tổ, tập huấn…  - Hỗ trợ kinh phí xăng xe đi thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, vận động: 30.000đ/1 người/01 tháng. | |  | |
| 6 | | Hội An | Chưa có |  |  |  | Hỗ trợ 200.000 đồng/tháng/thành viên Tổ CNSCC | |  | | Hiện nay, số lượng thành viên của mỗi Tổ CNSCĐ không như nhau (Có số lượng từ 4 đến 6 người), do vậy đề nghị nghiên cứu hỗ trợ kinh phí hàng tháng cho các thành viên Tổ để tham gia triển khai các nhiệm vụ CĐS định kỳ, đột xuất theo quy định; hỗ trợ người dân tại các thôn, tổ dân phố tham gia CĐS. Còn các nhiệm vụ khác như đầu tư các trang bị kỹ thuật, ứng dụng phần mềm dùng chung cho cả Tổ; tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực CĐS…: Các nhiệm vụ này sử dụng nguồn kinh phí thông tin truyền thông, CĐS cấp huyện, cấp xã thực hiện. | |
| 7 | | Nam Giang | Chưa có | X |  | X (120.000 đồng/tháng/thành viên) |  | | Quan tâm bố trí kinh phí hỗ trợ trả tiền cước Wifi, trang bị máy tính bàn, máy in, máy Scan, bàn ghế, tại nhà văn hoá các thôn/tổ dân phố trên địa bàn huyện để triển khai các nhiệm vụ của Tổ CNSCĐ đạt được hiệu quả | | Kiến nghị xây dựng các video hướng dẫn Tổ CNSCĐ và người dân cài đặt, sử dụng các DVC, các phần mềm ứng dụng dùng chung của tỉnh, cài đặt app smart QuangNam, Post ID, VneID, sử dụng DVCTT, thanh toán trực tuyến, các phương thức thanh toán điện tử an toàn, tin cậy cho các giao dịch thương mại điện tử.  - Tổ chức các lớp tập huấn cập nhật kiến thức mới cho các Tổ CNSCĐ và hướng dẫn, hỗ trợ người dân, hộ kinh doanh, hợp tác xã tạo và đăng ký thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của mình để đăng trên các sàn thương mại điện tử, trên các mạng xã hội. | |
| 8 | | Nam Trà My | Chưa có | Không quá 500.000 đồng/tháng/tổ đối với với các thôn đường giao thông thuận lợi; không quá 700.000 dồng đối với các thôn đặc biệt khó khăn |  |  | 3.000.000 đồng/năm/xã chi phí hội nghị tập huấn, sơ kết, tổng kết tại cấp xã | | Kinh phí đề xuất:  - Hỗ trợ thôn có điều kiện thuận lợi: 10 thôn x500.000đ/tháng x 12 tháng =60.000.000/năm.  - Hỗ trợ thôn có điều kiện không thuận lợi: 25 thôn x 700.000/tháng x 12 tháng = 210.000.000đ/năm  - Chi phí hội nghị tập huấn, sơ kết, tổng kết tại cấp xã: 30.000.000 đ/năm | |  | |
| 9 | | Núi Thành | Chưa có | X |  | X | Hỗ trợ 100.000 đ/ngày cho thành viên tổ CNCĐ khi tham gia thực hiện các công việc | |  | |  | |
| 10 | | Thăng Bình | Chưa có | X |  | X | cần có thêm cơ chế, chính sách hỗ trợ thêm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài các nhiệm vụ của Tổ công nghệ số cộng đồng đã được hỗ trợ hàng tháng | |  | | Ngoài chính sách hỗ trợ ở trên, đề nghị thêm nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ ngày công làm việc cho thành viên Tổ CNSCĐ và các cá nhân (bao gồm cán bộ, công chức, viên chức, người tình nguyện không hưởng lương từ ngân sách) được Chủ tịch UBND các cấp huy động tham gia hỗ trợ làm nhiệm vụ của Tổ CNSCĐ 150.000 đ/người/ngày. Trong trường hợp có chỉ đạo đột xuất của Chủ tịch UBND phải làm ban đêm thì hỗ trợ người được huy động với mức không quá 200.000 đ/người/đêm | |
| 11 | | Quế Sơn | Chưa có | X |  |  |  | | Tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các tiện ích của chính quyền; hướng dẫn người dẫn sử dụng DVCTT; các nền tảng số | |  | |
| 12 | | Tây Giang | Chưa có |  |  | X | Hỗ trợ 1.000.000 đồng/tháng/tổ | | - Tổ chức các hoạt động tuyên truyền các chủ trương, chính của Đảng, pháp luật của nhà nước về lĩnh vực ứng dụng CNTT, CĐS, kinh tế số và xã hội số.  - Tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ, các sản phẩm của CĐS; mua bán online, DVCTT, VNeID, thanh toán trực tuyến, …  - Tập huấn, hướng dẫn, cập nhật kỹ năng số cho người dân tại các thôn, khu dân cư trên địa bàn. | |  | |
| 13 | | Tiên Phước | Chưa có chính sách hỗ trợ trực tiếp cho Tổ. Tuy nhiên, các Tổ được hỗ trợ kinh phí khi tham gia các nhiệm vụ cụ thể như tập huấn về CĐS; tuyên truyền, vận động cài đặt VNeID, DVCTT…theo Kế hoạch của các xã, thị trấn | X |  | X | Cần có thêm cơ chế, chính sách hỗ trợ thêm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài các nhiệm vụ của Tổ công nghệ số cộng đồng đã được hỗ trợ hàng tháng | | Nguồn kinh phí trên để triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung của Tổ CNCĐ như Văn phòng phẩm, hỗ trợ xăng xe, thông tin liên lạc cho các thành viên Tổ CNSĐ | | Ngoài chính sách hỗ trợ ở trên, đề nghị thêm: Hỗ trợ trực tiếp ngày công làm việc cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tham gia thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch của UBND các cấp với mức: 150.000 đồng/người/ngày. | |
| 14 | | Nông Sơn | - Tập huấn cập nhật kiến thức – kỹ năng CĐS cho các Tổ CNSCĐ. Tổng số tiền triển khai nhiệm vụ: 23 triệu đồng | X |  | X |  | |  | |  | |
| 15 | | Phú Ninh | Hỗ trợ triển khai nhiệm vụ của Tổ CNSCĐ: 6 triệu/tổ/năm |  | X |  | Hỗ trợ 1.000.000 đồng/tháng/tổ | | - Tổ chức tập huấn, tuyên truyền cho TCNCĐ, cán bộ, nhân dân thôn về công tác CĐS  - Hỗ trợ người dân thực hiện các DVCTT, cài đặt các app ứng dụng, thanh toán không dùng tiền mặt | |  | |
| 16 | | Đông Giang | Chưa có |  |  |  | Hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng | | Hỗ trợ 1.000.000 đồng/đợt/tổ (triển khai đợt cao điểm hướng dẫn người dân sử dụng các phần mềm ứng dụng) | |  | |
| 17 | | Phước Sơn | Chưa có | X |  |  |  | |  | |  | |
| 18 | | Tam Kỳ | Chưa có | X |  | X |  | | - Hướng dẫn người dân sử dụng DVCTT  - Hướng dẫn người dân cài đặt, ứng dụng hiệu quả các ứng dụng dùng chung của tỉnh  - Phối hợp các ngân hàng, doanh nghiệp viễn thông cấp chữ ký số, tài khoản thanh toán điện tử  - Hướng dẫn đăng ký tham gia sàn thương mại điện tử… | | Hỗ trợ 200.000 đồng/người/tháng | |

**Phụ lục III**

**CƠ SỞ TÍNH DỰ TOÁN HỖ TRỢ THEO PHƯƠNG ÁN 01**

- Tổ: 1240 tổ

- Mức hỗ trợ: Kinh phí khoán hỗ trợ là 500.000 đồng/tháng/tổ [[1]](#footnote-1) *(tính số thành viên tối thiểu bình quân cho 01 tổ 05 người)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Cách tính** | **Ghi chú** |
| 1 | Khoán chi hỗ trợ hoạt động Tổ CNSCĐ 500.000 đồng/tháng/tổ, gồm: | 500.000 đồng/tháng/tổ |  |
| 1.1 | Chi phí văn phòng phẩm (giấy A4, bút, …) | 100.000 đồng/tháng |  |
| 1.2 | Chi phí xăng xe (01 lít /thành viên/tháng); 25.000 lít x1 lít x 5 người | 125.000 đồng/tháng |  |
| 1.3 | Hỗ trợ thông tin liên lạc, gói cước 3G, 4G (50.000 đồng/người x 5 người) | 250.000 đồng/tháng |  |
| 1.4 | Chi nước uống (15.000 đồng/người x 5 người) | 75.000 đồng/tháng |  |
| 2 | Tổng số Tổ CNSCĐ | 1.240 tổ |  |
| 3 | Tổng kinh phí hỗ trợ 01 tháng cho Tổ CNSCĐ = 500.000 đồng/người/tháng x 1212 tổ | 620.000.000 đồng |  |
| 4 | Tổng kinh phí hỗ trợ 1 năm cho Tổ CNSCĐ toàn tỉnh | **7.440.000.000 đồng** |  |
| 5 | Tổng kinh phí hỗ trợ 2 năm cho Tổ CNSCĐ toàn tỉnh | **14.880.000.000 đồng** |  |

Với mức kinh phí hỗ trợ Tổ CNSCĐ là 500.000 đồng/tổ/tháng; theo đó Ngân sách tỉnh phải tốn kém một khoản kinh phí hỗ trợ cho Tổ CNSCĐ trên địa bàn toàn tỉnh là **7.440.000.000 đồng/năm**; 02 năm là **14.880.000.000 đồng.**

|  |
| --- |
| **TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG TIN THÀNH VIÊN** |
| **TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CỘNG ĐỒNG** |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Thành viên theo thành phần** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** | | 1 | Cán bộ xã đứng điểm[[2]](#footnote-2) | 840/4688 | 18% | | 2 | Đoàn Thanh niên | 1002/4688 | 21% | | 3 | Trưởng thôn | 720/4688 | 15% | | 4 | Hội Liên hiệp phụ nữ | 622/4688 | 13% | | 5 | Công an viên | 330/4688 | 7% | | 6 | Hội Nông dân | 274/4688 | 6% | | 7 | Bí thư chi bộ | 220/4688 | 5% | | 8 | Chức danh khác | 680/4688 | 15% | |

1. Mức chi này trên cơ sở tham khảo nghị quyết hỗ trợ của các tỉnh: Yên Bái: 500.000 đồng/tháng/tổ; Hà Tĩnh: 600.000 đồng/tháng/tổ. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tại các đơn vị: Hội An, Đại Lộc, Duy Xuyên, Núi Thành có tổ từ 2-3 cán bộ xã đứng điểm

   Nông Sơn: Có 01 thị trấn Trung phước có cán bộ xã đứng điểm. Còn 5 xã còn lại không có cán bộ xã đứng điểm

   Tây Giang: Không có cán bộ xã đứng điểm [↑](#footnote-ref-2)